

Số: 181/2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 04 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 4239/TTr-SGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2026 và Tờ trình số 6685/TTr-SGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2026 về dự thảo Quyết định Danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định Danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 99 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24 Điều 1 Luật số 123/2025/QH15; khoản 4 Điều 13 Nghị định 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục và khoản 4 Điều 3 Nghị định

số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông (sau đây gọi chung là học sinh) tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau (không bao gồm học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường giáo dục chuyên biệt).

2. Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau (không bao gồm học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường giáo dục chuyên biệt).

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thu, chi

1. Các khoản thu và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau là các khoản thu và mức thu thỏa thuận dân chủ, công khai giữa cơ sở giáo dục với gia đình học sinh; các cơ sở giáo dục phải xây dựng kế hoạch, dự toán thu, chi cụ thể; thực hiện thu đúng, thu đủ chi, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, không đặt mục tiêu lợi nhuận.

2. Mức thu quy định tại Quyết định này là mức thu tối đa, được xác định theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí; căn cứ điều kiện thực tế của từng cơ sở giáo dục và nhu cầu của cha mẹ học sinh, cơ sở giáo dục thỏa thuận mức thu cụ thể nhưng không vượt quá mức thu tối đa và thực hiện thu theo số tháng, ngày thực học; không thu gộp theo học kỳ hoặc năm học, trừ trường hợp tự nguyện của cha mẹ học sinh.

3. Việc quản lý, sử dụng nguồn thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục

1. Phụ lục I. Danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cấp mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Phụ lục II. Danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cấp tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

3. Phụ lục III. Danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cấp trung học cơ sở công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4. Phụ lục IV. Danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cấp trung học phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo thẩm quyền và phạm vi quản lý.

3. Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh căn cứ Danh mục và mức thu quy định tại Điều 4 Quyết định này để tổ chức thực hiện; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

4. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành Quyết định này theo quy định của pháp luật; xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Vụ Pháp chế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- CT UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Các phòng: KGVX(LQĐQP07); NC; KTTH;
- Lưu: VT, KP857/9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Luân



Phụ lục I

**Đanh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục
đối với cấp mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 181/2026/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Tên dịch vụ	Mức thu tối đa
1	Ăn uống, bán trú	
1.1	Ăn, uống (03 bữa ăn)	43.000 đồng/trẻ em/ngày
1.2	Chi phí đồ dùng phục vụ vệ sinh ăn, ở bán trú (xà phòng, nước rửa chén, nước lau sàn...)	1.000 đồng/trẻ em/ngày
1.3	Chi phí sử dụng ga phục vụ nấu ăn bán trú: thu theo chi phí thực tế nhưng không vượt quá mức tối đa	1.500 đồng/trẻ em/ngày
2	Trông giữ, chăm sóc trẻ em sau 17 giờ đến tối đa 18 giờ 30 phút các ngày thực học trong tuần	8.500 đồng/trẻ em/giờ
3	Trông giữ, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em vào ngày thứ Bảy, Chủ nhật (bao gồm: ăn, uống, sinh hoạt bán trú)	100.000 đồng/trẻ em/ngày
4	Trông giữ, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em vào kỳ nghỉ hè (bao gồm: ăn, uống, sinh hoạt bán trú)	100.000 đồng/trẻ em/ngày
5	Hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống	15.000 đồng/trẻ em/tiết
6	Chi phí đưa, đón trẻ em	Thực hiện theo thỏa thuận với cha mẹ trẻ em nhưng không vượt quá định mức chi phí thực tế
7	Làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo đối với giáo viên người Việt Nam	15.000 đồng/trẻ em/tiết
8	Làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo đối với giáo viên người nước ngoài	25.000 đồng/trẻ em/tiết
9	Bồi dưỡng về nghệ thuật, thể dục thể thao cho trẻ em ngoài giờ chính khóa	15.000 đồng/trẻ em/tiết



Phụ lục II

Danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cấp tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Ban hành kèm theo Quyết định số 181/2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Tên dịch vụ	Mức thu tối đa
1	Ăn uống, bán trú	
1.1	Ăn, uống (03 bữa ăn)	63.000 đồng/học sinh/ngày
1.2	Trông giữ, chăm sóc học sinh (<i>quản lý, chăm sóc ăn, ở bán trú</i>)	6.000 đồng/học sinh/ngày
1.3	Chi phí đồ dùng phục vụ vệ sinh ăn, ở bán trú (<i>xà phòng, nước rửa chén, nước lau sàn...</i>)	1.000 đồng/học sinh/ngày
1.4	Thuê lao động nấu ăn (<i>cấp dưỡng</i>)	5.000 đồng/học sinh/ngày
1.5	Chi phí sử dụng ga phục vụ nấu ăn bán trú: thu theo chi phí thực tế nhưng không vượt quá mức tối đa	1.500 đồng/học sinh/ngày
2	Hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống	15.000 đồng/học sinh/tiết
3	Chi phí đưa, đón học sinh	Thực hiện theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh nhưng không vượt quá định mức chi phí thực tế
4	Hoạt động trải nghiệm	Thực hiện theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh
5	Dạy Tin học cho học sinh lớp 1, lớp 2 đối với giáo viên người Việt Nam	15.000 đồng/học sinh/tiết
6	Bồi dưỡng về nghệ thuật, thể dục thể thao cho học sinh ngoài giờ chính khóa	15.000 đồng/học sinh/tiết



Phụ lục III

Danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cấp trung học cơ sở công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số 181/2026/QĐ-UBND

ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Tên dịch vụ	Mức thu tối đa
1	Ăn uống, bán trú	
1.1	Ăn, uống (03 bữa ăn)	93.000 đồng/học sinh/ngày
1.2	Trông giữ, chăm sóc học sinh (<i>quản lý, chăm sóc ăn, ở bán trú</i>)	6.000 đồng/học sinh/ngày
1.3	Chi phí đồ dùng phục vụ vệ sinh ăn, ở bán trú (<i>xà phòng, nước rửa chén, nước lau sàn...</i>)	1.000 đồng/học sinh/ngày
1.4	Thuê lao động nấu ăn (<i>cấp dưỡng</i>)	5.000 đồng/học sinh/ngày
1.5	Chi phí sử dụng ga phục vụ nấu ăn bán trú: thu theo chi phí thực tế nhưng không vượt quá mức tối đa	1.500 đồng/học sinh/ngày
2	Tư vấn hướng nghiệp	15.000 đồng/học sinh/tiết
3	Trải nghiệm hướng nghiệp	Thực hiện theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh nhưng không vượt quá định mức chi phí thực tế
4	Hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống	15.000 đồng/học sinh/tiết
5	Chi phí đưa, đón học sinh	Thực hiện theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh nhưng không vượt quá định mức chi phí thực tế
6	Bồi dưỡng về nghệ thuật, thể dục thể thao cho học sinh ngoài giờ chính khóa	15.000 đồng/học sinh/tiết



Phụ lục IV

Danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cấp trung học phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số 181/2026/QĐ-UBND

ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Tên dịch vụ	Mức thu tối đa
1	Ăn uống, bán trú	
1.1	Ăn, uống (03 bữa ăn)	96.000 đồng/học sinh/ngày
1.2	Trông giữ, chăm sóc học sinh (<i>quản lý, chăm sóc ăn, ở bán trú</i>)	6.000 đồng/học sinh/ngày
1.3	Chi phí đồ dùng phục vụ vệ sinh ăn, ở bán trú (<i>xà phòng, nước rửa chén, nước lau sàn...</i>)	1.000 đồng/học sinh/ngày
1.4	Thuê lao động nấu ăn (<i>cấp dưỡng</i>)	5.000 đồng/học sinh/ngày
1.5	Chi phí sử dụng ga phục vụ nấu ăn bán trú: thu theo chi phí thực tế nhưng không vượt quá mức tối đa	1.500 đồng/học sinh/ngày
2	Tư vấn hướng nghiệp	15.000 đồng/học sinh/tiết
3	Trải nghiệm hướng nghiệp	Thực hiện theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh nhưng không vượt quá định mức chi phí thực tế
4	Hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống	15.000 đồng/học sinh/tiết
5	Chi phí đưa, đón học sinh	Thực hiện theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh nhưng không vượt quá định mức chi phí thực tế
6	Bồi dưỡng về nghệ thuật, thể dục thể thao cho học sinh ngoài giờ chính khóa	15.000 đồng/học sinh/tiết